

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY KÝ HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ VỀ ĐÌNH CHI
CHIẾN SỰ Ở VIỆT NAM (21/7/1954 - 21/7/2024)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Ngay từ khi thực dân Pháp quay lại xâm lược Đông Dương, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương ngăn chặn chiến tranh, giải quyết các vấn đề bằng biện pháp hòa bình. Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 06 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946. Thế nhưng, với bản chất hiếu chiến, thực dân Pháp đã liên tiếp lần tới, đẩy mạnh chiến tranh, buộc Nhân dân Việt Nam phải đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến toàn quốc để bảo vệ nền độc lập tự do vừa giành được. Với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với ý chí quật cường, quân và dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, huy động mọi nguồn lực quyết tâm đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Cuối năm 1953, phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, Trung ương Đảng quyết định mở mặt trận đấu tranh ngoại giao.

Ngày 26 tháng 11 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì Nhân dân Việt Nam quyết tâm tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng. Nhưng nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì Nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”¹, “Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”², “...Việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Chính phủ Pháp”³.

Thế giới đầu những năm 1950, trong xu thế hòa hoãn, các nước lớn bắt đầu thỏa hiệp, muốn giải quyết các xung đột và chiến tranh bằng thương lượng hòa bình. Ngày 25 tháng 01 năm 1954, Hội nghị Ngoại trưởng các nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp họp tại Béc-lin (Đức); ngày 18 tháng 02 năm 1954, các bên thỏa thuận sẽ triệu tập Hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương với sự ủng hộ của nhiều nước lớn.

Tại Pháp, từ tháng 10 năm 1953, Quốc hội Pháp biểu quyết ủng hộ Chính phủ giải quyết chiến tranh bằng thương lượng, đàm phán trực tiếp với Chính phủ

^{1,2,3}. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.8, tr.340-341.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhưng trên thế mạnh. Tuy nhiên, sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường Đông Dương, Chính phủ Pháp ngày càng lúng túng, phong trào phản chiến ở Pháp dâng cao. Thủ tướng Pháp Laniel và Ngoại trưởng Bidault phải từ bỏ chủ trương thương lượng trên thế mạnh; nội bộ giới cầm quyền Pháp phân hóa sâu sắc.

Ngày 26 tháng 4 năm 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc và bàn về một giải pháp chính trị ở Triều Tiên. Đây cũng là thời điểm quân và dân ta chuẩn bị kết thúc thắng lợi đợt hai của Chiến dịch Điện Biên Phủ; quân Pháp ở Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ lâm vào tình thế nguy khốn. Tuy nhiên cho đến lúc này, các nước phương Tây vẫn chưa chấp nhận sự tham gia Hội nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 01 tháng 5 năm 1954, Quân đội nhân dân Việt Nam mở đợt tấn công cuối cùng vào Điện Biên Phủ. Trước thất bại không thể cứu vãn, ngày 02 tháng 5 năm 1954, Anh, Pháp, Mỹ thông báo qua Liên Xô chấp nhận sự có mặt chính thức của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị. Ngày 7 tháng 5 năm 1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Một ngày sau, ngày 8 tháng 5 năm 1954, Hội nghị bắt đầu thảo luận về vấn đề Đông Dương.

II. DIỄN BIẾN VÀ NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Diễn biến chính của Hội nghị Giơ-ne-vơ

Thành phần tham dự Hội nghị gồm 9 bên: Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc gia Việt Nam, Vương Quốc Lào và Vương Quốc Campuchia. Đại diện lực lượng kháng chiến Pathet Lào và Khmer Itsarak tuy đã có mặt ở Giơ-ne-vơ nhưng không được các đoàn phương Tây chấp nhận cho tham dự Hội nghị.

Hội nghị diễn ra qua 3 giai đoạn:

** Giai đoạn 1 (từ 08 tháng 5 năm 1954 - 19 tháng 6 năm 1954)*

Ngoài việc trao đổi chương trình nghị sự, các Đoàn trình bày lập trường của mình về giải pháp cho vấn đề Việt Nam và Đông Dương.

- Đoàn Pháp do Ngoại trưởng Bidault làm trưởng đoàn, phát biểu chỉ giải quyết vấn đề quân sự, không đề cập vấn đề chính trị và tách vấn đề Lào, Campuchia ra khỏi vấn đề Việt Nam. Phát biểu này được Mỹ ủng hộ.

- Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn yêu cầu phải có sự tham dự của đại diện Chính phủ kháng chiến Lào và Campuchia. Ngày 10 tháng 5 năm 1954, Trưởng đoàn Việt Nam phát biểu, đưa ra lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với nội dung chủ yếu là: yêu cầu đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, vấn đề Lào và vấn đề Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

- Trung Quốc, Liên Xô ủng hộ lập trường của Việt Nam. Trưởng đoàn Trung Quốc Chu Ân Lai đưa ra hai điều kiện để lập lại hòa bình ở Đông Dương: (1) Pháp chấm dứt chiến tranh; (2) Mỹ chấm dứt can thiệp vào Đông Dương. Trưởng đoàn Liên Xô - Bộ trưởng ngoại giao Molotov đề nghị lập Ủy ban giám sát quốc tế gồm các nước trung lập. Tại phiên họp lần thứ 4, Trưởng đoàn Liên Xô đề nghị thảo luận về phương án của Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau 4 phiên họp rộng, Chủ tịch Hội nghị - Ngoại trưởng Anh Eden yêu cầu họp hẹp. Trưởng đoàn Liên Xô đề nghị vấn đề quân sự, chính trị và vấn đề ba nước sẽ bàn song song. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Liên Xô, Trung Quốc đồng ý. Anh và Pháp tán thành, Mỹ đành phải chấp nhận.

- Ngày 25 tháng 5 năm 1954, trong phiên họp hẹp, Trưởng đoàn Việt Nam Phạm Văn Đồng đưa ra 2 nguyên tắc cho vấn đề đình chiến: (1) Ngừng bắn hoàn toàn trên toàn cõi Đông Dương, (2) Điều chỉnh vùng trong mỗi nước, trong từng chiến trường trên cơ sở đất đổi đất để mỗi bên có những vùng hoàn chỉnh tương đối rộng lớn thuận lợi cho quản lý hành chính và hoạt động kinh tế. Đại diện các bộ tư lệnh có liên quan nghiên cứu tại chỗ những biện pháp ngừng bắn để chuyển tới Hội nghị xem xét và thông qua.

- Ngày 27 tháng 5 năm 1954, đoàn Pháp đồng ý lấy đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm cơ sở thảo luận, đề nghị đại diện của hai bên gặp nhau ở Giơ-ne-vơ để bàn việc chia ranh giới khu vực tập trung quân ở Đông Dương. Cùng ngày, đoàn Trung Quốc đưa ra 6 điểm về vấn đề quân sự như: ngừng bắn hoàn toàn và cùng một lúc ở ba nước Đông Dương; thành lập Ủy ban kiểm soát quốc tế gồm các nước trung lập nhưng chưa đề cập tới giải pháp về mặt chính trị.

- Ngày 29 tháng 5 năm 1954, sau 4 phiên họp toàn thể và 8 phiên họp cấp trưởng đoàn, Hội nghị Giơnevơ ra quyết định: (1) Ngừng bắn toàn diện và đồng thời; (2) Đại diện hai bên gặp nhau ở Giơnevơ để bàn về bố trí lực lượng theo thỏa thuận đình chiến, bắt đầu bằng việc phân vùng tập kết quân đội ở Việt Nam.

Nhìn chung, do lập trường giữa các đoàn có một khoảng cách khá lớn, chủ yếu là do lập trường hiếu chiến của các nước Phương Tây tham gia Hội nghị, nên các cuộc đàm phán tiến triển rất chậm.

- Ngày 12 tháng 6 năm 1954, nội các Thủ tướng Laniel do phái chủ chiến chi phối bị Quốc hội Pháp đánh đổ. Ngày 19 tháng 6 năm 1954, Mendès France lên cầm quyền, hứa với Quốc hội Pháp trong vòng một tháng sẽ giải quyết xong vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đây là sự kiện quan trọng góp phần phá vỡ bế tắc, thúc đẩy đàm phán tiến triển.

** Giai đoạn 2 (từ 20 tháng 6 năm 1954 - 10 tháng 7 năm 1954)*

Trong giai đoạn này, hầu hết các Trưởng đoàn về nước báo cáo, chỉ có Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở lại. Các Quyền trưởng đoàn tổ

chức các cuộc họp hẹp và họp Tiểu ban quân sự Việt - Pháp bàn vấn đề tập kết, chuyển quân, thả tù binh và việc đi lại giữa hai miền. Vấn đề phân định vĩ tuyến tại Việt Nam trở thành nội dung đàm phán chính với các hoạt động gấp gỡ, trao đổi quan điểm của các bên. Nhìn chung, các cuộc họp hẹp ở Giơ-ne-vơ trong giai đoạn này không có tiến triển gì đáng kể.

** Giai đoạn 3 (từ ngày 11 - 21 tháng 7 năm 1954)*

Trong 10 ngày cuối của Hội nghị đã diễn ra nhiều cuộc gấp gỡ, trao đổi tay đôi, tay ba hoặc nhiều bên giữa các Trưởng đoàn. Các phiên họp chủ yếu đàm phán, thỏa thuận về phân chia vĩ tuyến làm ranh giới tạm thời; thông qua các văn kiện, kể cả các điều khoản thi hành Hiệp định. Cuối cùng là phiên họp toàn thể bế mạc Hội nghị.

- Đàm phán về phân chia vĩ tuyến rất căng thẳng. Pháp khẳng định vĩ tuyến 18, Việt Nam kiên quyết vĩ tuyến 16. Phải đến phiên họp chiều tối ngày 20 tháng 7 năm 1954, các bên mới đi đến thỏa thuận lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến. Thời hạn 2 năm tổng tuyển cử cũng như các hiệp định đình chỉ chiến sự tại Việt Nam, Lào và Campuchia và các vấn đề khác đều là sự giằng co giữa các bên.

- Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về hòa bình ở Việt Nam, Lào, Campuchia kết thúc.

- Các văn bản được ký kết tại Hội nghị, gồm:

+ Ba Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia

+ Một bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị.

+ Hai bản tuyên bố riêng của đoàn Mỹ và đoàn Pháp ngày 21 tháng 7 năm 1954

+ Các công hàm trao đổi giữa Việt Nam và Pháp.

2. Những nội dung chính của Hiệp định Giơ-ne-vơ

Trải qua 75 ngày đêm đàm phán với 31 phiên họp, trong đó có các phiên họp toàn thể, phiên họp cấp trưởng đoàn cùng nhiều cuộc tiếp xúc song phương và đa phương, Hiệp định Giơ-ne-vơ đã được ký kết với các nội dung:

- Thỏa thuận chung cho ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia:

+ Công nhận và tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân ba nước Đông Dương: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, không can thiệp vào công việc nội bộ của mỗi nước.

+ Đình chỉ chiến sự trên toàn cõi Đông Dương.

+ Pháp rút quân khỏi lãnh thổ ba nước. Quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Lào và Campuchia.

+ Không có căn cứ nước ngoài và không liên minh quân sự với nước ngoài.

- + Tổng tuyển cử ở mỗi nước.
- + Không trả thù những người hợp tác với đối phương.
- + Trao trả tù binh và người bị giam giữ.
- + Thành lập Ủy ban liên hợp, Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế.

- *Đối với riêng Việt Nam:*

+ Những điều khoản về đình chỉ chiến sự và lập lại hòa bình: ngừng bắn, tập kết, chuyển quân được hai bên thực hiện trong thời hạn 300 ngày; chuyển giao khu vực, trao trả tù binh và thường dân bị giam giữ, đổi vùng, vấn đề mồ mả quân nhân hai bên tham chiến.

+ Những điều khoản về duy trì và củng cố hòa bình ở Việt Nam: Lập giới tuyến quân sự tạm thời ở vĩ tuyến 17 và khu phi quân sự (sông Bến Hải); không coi vĩ tuyến 17 là ranh giới chính trị hay lãnh thổ; cấm tăng viện nhân viên quân sự, bộ đội, vũ khí và dụng cụ chiến tranh khác vào Việt Nam; cấm xây dựng căn cứ quân sự mới; cấm hai miền không được gia nhập liên minh quân sự nào; cấm sử dụng mỗi miền để phục vụ cho bất kỳ chính sách quân sự nào.

+ Những điều khoản chính trị: Vấn đề tổng tuyển cử để thống nhất đất nước; Hiệp thương hai miền vào tháng 7 năm 1955, tổng tuyển cử vào tháng 7 năm 1956; tự do chọn vùng sinh sống; trong khi chờ đợi không khủng bố, trả thù hay phân biệt đối xử với những người đã hợp tác với đối phương trong thời gian chiến tranh.

+ Những điều khoản quy định việc tổ chức thi hành Hiệp định: Ủy ban kiểm soát liên hợp, Ủy ban giám sát quốc tế trung lập.

III. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ý nghĩa lịch sử

Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam cùng với Hiệp định Sơ bộ ngày 06 tháng 3 năm 1946 và Hiệp định Paris năm 1973 đã trở thành 3 văn kiện ngoại giao quan trọng nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta.

Hiệp định Giơ-ne-vơ đánh dấu sự kết thúc một chặng đường trong quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ để đi tới độc lập tự do của dân tộc. Việc ký kết dựa trên căn cứ và phần nào phản ánh đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, song “ký Hiệp định Giơ-ne-vơ là đúng lúc, kết thúc kháng chiến chống Pháp là phù hợp, phản ánh đúng so sánh lực lượng trên chiến trường và hoàn cảnh quốc tế lúc bấy giờ”⁴.

⁴ Kết luận của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương năm 1988.

Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế quan trọng. Lần đầu tiên các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được các nước lớn công nhận tại một hội nghị đa phương. Pháp và các nước tham gia hội nghị “cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ”, “tuyệt đối không can thiệp vào công việc nội trị” của Việt Nam, Lào và Campuchia. Pháp buộc phải đình chỉ chiến sự và rút hoàn toàn quân đội khỏi lãnh thổ 3 nước Đông Dương. Gần 20 năm sau, Hiệp định Paris năm 1973 đã khẳng định lại những cơ sở pháp lý quan trọng này: “Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận”.

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ đã kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của Nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, giải phóng miền Bắc nước ta, tạo điều kiện xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, vững mạnh cho công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975.

Hiệp định Giơ-ne-vơ đã thể hiện bản lĩnh của nền ngoại giao Cách mạng Việt Nam. Lần đầu tiên tham gia vào một hội nghị đa phương trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các nước lớn tham gia hội nghị đều có mục tiêu và lợi ích riêng nhưng đoàn đàm phán của ta đã phát huy chiến thắng trên chiến trường, phát huy sức mạnh chính nghĩa của dân tộc, kiên định về nguyên tắc nhưng mềm dẻo về sách lược để giành được những kết quả quan trọng trên bàn Hội nghị.

2. Bài học kinh nghiệm

70 năm trôi qua, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi nhưng Hội nghị Giơ-ne-vơ vẫn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho chúng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Một là, trong tình hình quốc tế hết sức phức tạp, chịu sự chi phối của các nước lớn, cần nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; kiên định về nguyên tắc, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”; biết giành thắng lợi từng bước trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Hai là, tăng cường tiềm lực, nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước là nhân tố bên trong có ý nghĩa quyết định, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Ba là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và công lý cũng như Nhân dân thế giới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, phát huy vai trò của công tác đối ngoại, tăng cường đối thoại, sử dụng biện pháp hòa bình để giải quyết các tranh chấp, xung đột trong quan hệ với các nước, bảo đảm phù hợp với luật pháp quốc tế; ra sức giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định vì lợi ích của Nhân dân Việt Nam và Nhân dân thế giới.

IV. PHÁT HUY TINH THẦN HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ TRONG BỐI CẢNH NGÀY NAY

Nhìn lại 70 năm qua kể từ ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, đặc biệt từ khi Đảng tiến hành công cuộc Đổi mới toàn diện, đồng bộ, đất nước ta đã đạt được những thắng lợi vẻ vang và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đến nay, quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên gấp nhiều lần; đời sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai hiệu quả. Từ một nước bị bao vây, cấm vận, chúng ta đã mở rộng, làm sâu sắc quan hệ với 193 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có 3 nước có quan hệ đặc biệt, 7 nước đối tác chiến lược toàn diện, 11 nước đối tác chiến lược và 12 nước đối tác toàn diện. Sức mạnh tổng hợp, cơ đồ, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao, được bạn bè quốc tế tin nhiệm đề cử gánh vác nhiều trọng trách quốc tế quan trọng trong các cơ chế, diễn đàn đa phương như: Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), APEC, ASEAM, WTO... nhất là: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021 (với số phiếu kỷ lục 192/193); Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77; thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc 2023 - 2025, Ủy ban Liên Chính phủ Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi Vật thể của UNESCO; Ủy ban Luật pháp Quốc tế nhiệm kỳ 2023 - 2027, Chủ tịch ASEAN các năm 1998, 2010, 2020... đóng góp tích cực cho công cuộc gìn giữ hòa bình, an ninh ở khu vực và trên thế giới. “Có thể nói, chưa bao giờ vị thế, uy tín và hình ảnh một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, phát triển năng động, là bạn bè thủy chung, chân thành, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm lại nổi bật trên trường quốc tế như ngày nay”⁵.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực dự báo sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ ngày càng quyết liệt. Nhiều điểm nóng về an ninh tiếp tục tồn tại, có nguy cơ lan rộng, làm xuất hiện các hình thái chiến tranh, loại hình tác chiến, không gian chiến lược mới. Khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, tạo ra những biến đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. An ninh truyền thống cũng như phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, năng lượng, an ninh mạng... đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

⁵ Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 32.

Phát huy bài học kinh nghiệm từ việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên các lĩnh vực; xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cần luôn luôn bình tĩnh, tinh táo nắm bắt thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức: *“Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”*⁶; tiếp tục phát huy vai trò của công tác đối ngoại trong việc giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định; huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đối ngoại là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước, sự gắn kết nhịp nhàng của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân cùng đối ngoại chính trị, đối ngoại kinh tế, đối ngoại văn hóa, đối ngoại an ninh và đối ngoại các lĩnh vực khác./.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tr. 161 - 162.